

Bản án số: 36/2022/DS-PT

Ngày 04-03-2022

*“V/v tranh chấp bồi thường thiệt
hại do tài sản bị xâm hại”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành;

Bà Tôn Thị Thanh Thúy;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên, Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 và 04 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2021/TLPT-DS ngày 03/11/2021 về việc *“Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm hại”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2021/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2022/QĐ-PT, ngày 17/01/2022 và và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 29/2022/QĐ-PT, ngày 15/02/2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Quách Ngọc A, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: đường 30/4, ấp 1, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

* *Bị đơn:* Bà Tô Thị Khánh H, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Quốc Lộ 1A, ấp 1, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn H: Ông Kim Điền P, sinh năm 1993 (văn bản ủy quyền ngày 03/3/2022) (có mặt).

Địa chỉ: ấp 3, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1- Bà Quách Thị T, sinh năm 1951 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người liên quan T: Ông Quách Ngọc A, sinh năm 1955 là nguyên đơn trong vụ án (Văn bản ủy quyền ngày 18/02/2022) (có mặt).

2- Bà Nguyễn Lê Minh T2, sinh năm 1979 (có mặt).

Cùng địa chỉ: đường 30/4, ấp 1, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

* *Người kháng cáo:* Bà Tô Thị Khánh H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo kết quả xét xử sơ thẩm, thì vụ án có nội dung như sau:

* *Nguyên đơn Quách Ngọc A trình bày:* Năm 2014, ông xây hàng rào trên thửa đất số 37, tờ bản đồ 24, tại ấp 1, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng do bà Quách Thị T là chị ruột của ông và đang sống chung cùng nhà với ông đứng tên quyền sử dụng đất. Hàng rào xây xung quanh ba cạnh thửa đất, dài khoảng 30,5m x rộng 6m x cao 1,5m, chân móng đổ bê tông cốt thép (30cm x 30cm) và trên có đà kiên, mỗi khoảng cách 2,7m có 01 cây cột bê tông cốt thép và xây bằng gạch ống, tổng chi phí tại thời điểm xây khoảng 40.000.000đ. Khi xây dựng tường rào, mặt đất tự nhiên bên phía ông và đất của bà T3 (người chuyển nhượng đất cho bà H) bằng nhau, trên đất ông cách tường rào có vũng nước còn bên bà H cách tường rào của ông khoảng một mét là địa chạy dài song song với tường rào. Năm 2018, bà H cho bơm cát cao khoảng một mét dựa vào tường rào đến mùa mưa nước thấm thấu vào làm nghiêng bức tường, có chỗ bị rã nứt. Ngày 23/4/2020, bà H cho xe ủi cát đến ủi sang lấp mặt bằng và khi xe ủi đang làm việc, gia đình ông phát hiện tường rào bị rung chuyển và có đoạn bị cong nên, ông ngăn cản không cho xe ủi tiếp tục san lấp, đồng thời mời bà H đến quan sát phần tường rào bị cong. Sau khi trao đổi bà H đồng ý ký vào tờ cam kết khắc phục thiệt hại. Một thời gian sau, đoạn tường rào chỗ bấp dài 5,6m tiếp tục nghiêng thêm nên ông phải mua 02 cây trụ xi măng chống đỡ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi có kết quả định giá của cơ quan chuyên môn về tài sản bị thiệt hại, ông A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải bồi thường thiệt hại theo kết luận giám định đối với tường rào đoạn 1 dài 5,6m là: 11.378.955đ, tường rào đoạn 2 dài 9,9m là: 13.818.063đ và thanh toán tiền mua hai cây cột xi măng chống không cho tường rào ngã và bồi thường tiền lãi đi vay để giao nộp chi phí tạm ứng giám định, tổng hai khoản là 5.000.000đ, tổng cộng là: 11.378.955đ + 13.818.063đ + 5.000.000đ = 30.206.018đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông A yêu cầu bà H phải bồi thường thiệt hại về tài sản, cụ thể như sau: Thiệt hại hai đoạn tường rào là 25.206.018đ, chi phí ngăn chặn thiệt hại là 1.500.000đ và tiền lãi 960.000đ do phải đi vay 16.000.000đ để nộp chi phí tố tụng theo yêu cầu của Tòa án. Tổng cộng là 27.666.018đ.

* *Bị đơn Tô Thị Khánh H và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn H trình bày:* Bà H có tiến hành bơm cát dựa tường rào của ông A, có tiến hành cho xe ủi cát nên phát sinh tranh chấp, bà H có đồng ý ký cam kết ngày 23/4/2020. Theo đó bà H đồng ý thực hiện và chịu trách nhiệm đối với đoạn tường dài 9,9m sẽ khắc phục bằng cách cong chỗ nào xây lại chỗ đó nhưng việc xây dựng phải có

kết luận của cơ quan chuyên môn và chính quyền tham gia. Do quyền sử dụng đất của bà T, giữa bà T và ông A không có văn bản thỏa thuận tài sản trên đất là của ông A nên ông A không có quyền khởi kiện, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A và đình chỉ giải quyết. Trường hợp bà T khởi kiện, bà H sẽ thỏa thuận giải quyết bồi thường với bà T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Lê Minh T2 trình bày: Bà là vợ ông A, bà thống nhất với trình bày của ông A, đồng ý các yêu cầu khởi kiện của ông A và không yêu cầu khác.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Thị T không có ý kiến trình bày ở cấp sơ thẩm.*

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 56/2021/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2021 đã quyết định:

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 588, Điều 589 của Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quách Ngọc A, buộc bà Tô Thị Khánh H bồi thường thiệt hại về tài sản bị hư hỏng cho ông Quách Ngọc A số tiền 25.517.018 đồng (hai mươi lăm triệu, năm trăm mười bảy nghìn, không trăm mười tám đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Quách Ngọc A về bồi thường thiệt hại đối với hai cây cột chống, số tiền 1.180.000 đồng và tiền lãi 960.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí giám định, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11-10-2021, bị đơn Tô Thị Khánh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết, sửa án sơ thẩm theo hướng:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn về việc đồng ý bồi thường số tiền 5.000.000đ hoặc để bị đơn sửa chữa lại hàng rào của ông A theo như tờ cam kết đã ký với ông A vào ngày 23/4/2020 (ngã chỗ nào thì xây lại chỗ đó). Bị đơn H chấp nhận bồi thường và khắc phục ở đoạn tường thứ 2 dài 9,9m, còn đoạn tường thứ nhất bà H không đồng ý bồi thường với lý do là đất của chủ khác bà H mới sang lại và bà cũng

không có tác động nào, vì đoạn tường này ông A thấy bà đang sử dụng nên thừa bà luôn.

- Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại chi phí tố tụng (thẩm định, định giá).

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn A không rút đơn khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn H không đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

+ *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung kháng cáo*: Do kháng cáo của bị đơn H không có căn cứ pháp luật và ông A không đồng ý theo nội dung kháng cáo của bị đơn H. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn H là đúng quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, được Tòa án chấp nhận và tiến hành giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] *Về nội dung kháng cáo*:

Bị đơn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa án sơ thẩm như sau:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn về việc đồng ý bồi thường số tiền 5.000.000đ cho đoạn tường thứ hai, còn đoạn thứ nhất, bị đơn không làm hư nên không phải bồi thường.

+ Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại chi phí tố tụng (thẩm định, định giá).

Các căn cứ kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, cụ thể như sau:

- Khi khởi kiện, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn bồi thường đoạn tường bị hư hỏng thứ hai với số tiền 7.500.000đ. Đến khi nguyên đơn khởi kiện bổ sung, nguyên đơn yêu cầu bồi thường bổ sung đoạn tường thứ nhất bị hư hỏng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung và giải quyết luôn là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, vì: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung sau khi đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải là không đúng quy định. Sau khi nguyên đơn khởi kiện bổ sung, Tòa án cấp sơ thẩm không thông

báo yêu cầu khởi kiện bổ sung cho bị đơn biết là vi phạm thủ tục tố tụng. Vì vậy, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn A.

- Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là không đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm của bị đơn H.*

[3.1] *Xét kháng cáo của bị đơn H về quyền khởi kiện của nguyên đơn A, thì thấy rằng:*

- Khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, bà Quách Thị T đã có “Tờ tường trình” đề ngày 14/12/2021 gửi qua đường bưu điện cho Tòa án và ông A là người đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày tại phiên tòa phúc thẩm như sau: Bà T là chị ruột của nguyên đơn A, bà không có chồng và con, bà đang sống chung cùng nhà với vợ chồng ông A bà T2, bà chỉ là người đại diện gia đình đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ 24, tại ấp 1, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Bà T xác nhận: Tiền xây hàng rào là của ông A. Hiện nay hàng rào xây quanh đất bị phía bà H bơm cát làm hư hỏng. Vì vậy, bà T đồng ý để ông A có toàn quyền khởi kiện yêu cầu bà H phải bồi thường thiệt hại về hàng rào bị hư hỏng.

Các đương sự tranh chấp về hàng rào bị hư hỏng, không tranh chấp về quyền sử dụng đất, bà T đã xác định ông A là người xây hàng rào. Vì vậy, có căn cứ để xác định: Nguyên đơn A có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết về việc bà H làm hư hỏng tường rào do ông A xây dựng.

[3.2] *Xét kháng cáo của bị đơn H về quyền khởi kiện bổ sung của nguyên đơn A, thì thấy rằng:*

Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án ngày 18/12/2020. Đến ngày 20/5/2021 nguyên đơn A nộp đơn khởi kiện bổ sung và được Tòa án chấp nhận. Trong hồ sơ vụ án thể hiện: Tòa án nhân dân huyện T tiến hành mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải một lần vào ngày 08/7/2021, bị đơn H có tham gia và đã biết nội dung khởi kiện bổ sung của nguyên đơn nhưng không có ý kiến gì nên được xem là bị đơn H đã biết về yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn A. Vì vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn và giải quyết toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định về thời gian quy định về quyền yêu cầu phản tố của bị đơn và quyền yêu cầu độc lập của người có quyền, nghĩa vụ liên quan, được quy định tại Điều 200 và Điều 201 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.3] *Xét kháng cáo của bị đơn H về việc chỉ đồng ý bồi thường số tiền 5.000.000đ, không đồng ý bồi thường theo án sơ thẩm thì thấy rằng:*

- Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn H thừa nhận khi bà H nhận chuyển nhượng phần đất giáp ranh với ông A, đã có bức tường ranh do ông A xây dựng trước đó và bức tường vẫn còn sử dụng được.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn H thừa nhận bà H có bơm cát và có mướn xe ủi vào san lấp mặt bằng trên phần đất của bà H giáp phần đất có tường rào của nguyên đơn A. Ngoài bà H ra, không có ai san lấp hay bơm cát trên phần đất giáp bức tường của nguyên đơn A.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn H thừa nhận bị đơn H không có ý kiến gì đối với kết quả giám định giá trị thiệt hại công trình xây dựng số 35/BC-TT ngày 28/5/2021 của Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Sóc Trăng.

Kết quả giám định nêu trên kết luận về phương án khắc phục thiệt hại và giá trị khắc phục thiệt hại, cụ thể như sau:

Mục 6.1. Phương án khắc phục thiệt hại:

“Do hiện trạng 02 đoạn tường rào bị nghiêng vượt quá giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn TCVN 9381: 2012 “Hướng dẫn đánh giá mức độ nguy hiểm của kết cấu nhà”. Đánh giá đoạn tường hư hỏng ở mức độ nguy hiểm. Đơn vị giám định đề xuất phương án phá dỡ xây mới đối với 02 đoạn tường rào nêu trên để đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng”.

Mục 6.2. Giá trị khắc phục thiệt hại:

- *“...Giá trị thiệt hại tường rào đoạn 1 là $= 924.347 \times 12,32 = 11.387.955$ đồng. (Bằng chữ: Mười một triệu, ba trăm tám mươi bảy ngàn, chín trăm năm mươi lăm đồng)”*

- *“...Giá trị thiệt hại tường rào đoạn 2 là $= 924.347 \times 14,494 = 13.818.063$ đồng. (Bằng chữ: Mười ba triệu, tám trăm mười tám ngàn, không trăm sáu mươi ba đồng)”.*

Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về: “*Thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*”, cụ thể như sau:

“Thiệt hại do tài sản bị xâm phạm bao gồm:

- 1. Tài sản bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng.*
- 2. Lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản bị mất, bị giảm sút.*
- 3. Chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế và khắc phục thiệt hại.*
- 4. Thiệt hại khác do luật quy định”.*

Theo kết quả giám định và các quy định pháp luật đã được viện dẫn nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận: Bức tường rào ở đoạn 1 và đoạn 2 không thể sử dụng được. Bị đơn H thừa nhận có san lấp phần đất giáp ranh bức tường của nguyên đơn A và bức tường của nguyên đơn A đã bị hư hỏng như kết quả thẩm định và giám định. Vì vậy, cấp sơ thẩm buộc bị đơn H phải bồi thường số tiền 02 đoạn tường là: 11.378.955đ + 13.818.063đ để khắc phục thiệt hại cho nguyên đơn A là có căn cứ pháp luật.

[3.4] Xét kháng cáo của bị đơn H về chi phí tố tụng thì thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A về tiền lãi, trên số tiền mà nguyên đơn đã đóng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo yêu cầu của Tòa án và số tiền mua 02 cây cột khắc phục

hậu quả do bức tường bị hư hỏng. Tòa án cấp sơ thẩm không sử dụng chi phí tố tụng (thẩm định, định giá) trong việc giải quyết về tiền lãi và tiền mua 02 cây cột xi măng (khảo sát giá 02 cây cột xi măng cùng loại tại địa phương), Tòa án cấp sơ thẩm không sử dụng chi phí tố tụng để giải quyết đối với 02 yêu cầu này của nguyên đơn A. Vì vậy, nguyên đơn A không phải chịu chi phí tố tụng. Tòa án sơ thẩm xử buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền do bức tường bị hư hỏng, thì bị đơn phải chịu chi phí tố tụng dùng cho việc xem xét thẩm định và định giá tài sản là đúng quy định tại Điều 157 và Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, kháng cáo của bị đơn H về chi phí tố tụng không được cấp phúc thẩm chấp nhận.

Bị đơn H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giảm số tiền bồi thường và xem xét về chi phí tố tụng, nhưng bị đơn H không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh kháng cáo của mình là có căn cứ pháp luật. Nguyên đơn A không đồng ý theo nội dung kháng của của bị đơn H. Vì vậy, cấp phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn H.

Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật như đã viện dẫn nêu trên, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] *Về án phí phúc thẩm:* Do kháng cáo của bị đơn H không được chấp nhận. Vì vậy, bị đơn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Tô Thị Khánh H.

I - Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 56/2021/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 588, Điều 589 của Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quách Ngọc A, buộc bà Tô Thị Khánh H bồi thường thiệt hại về tài sản bị hư hỏng cho ông Quách Ngọc A số tiền 25.517.018 đồng (hai mươi lăm triệu, năm trăm mười bảy nghìn, không trăm mười tám đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Quách Ngọc A về bồi thường thiệt đối với hai cây cột chống, số tiền 1.180.000 đồng và tiền lãi 960.000 đồng.

3. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Bà Tô Thị Khánh H chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 1.275.850 đồng và 15.450.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và trưng cầu giám định. Buộc bà Tô Thị Khánh H phải hoàn trả chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và trưng cầu giám định 15.450.000 đồng cho ông Quách Ngọc A.

Ông A được hoàn trả tiền tạm ứng còn dư là 550.000 đồng theo phiếu thu của Tòa án nhân dân huyện T.

II- Về án phí phúc thẩm: Bị đơn H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bị đơn H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001157 ngày 13/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn H đơn đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Nam Trung